

VÔ VI QUY NGUYÊN

Từ Thiện Tâm Trụ

NHÂN
THÂN
TIỂU
VŨ
TRỤ



TẠP CHÍ QUY NGUYÊN PHÁT HÀNH NĂM 2000

LỜI GỢI THIỆU

Kính thưa các vị,
Con người là Điểm Linh Quang của Thượng Đế - là Tiểu Linh Quang của Đại Linh Quang.
Xuyên qua cõi hồng trần, sinh ra nơi đời, nhân thân này là 1 vũ trụ thu nhỏ!

Độc Nhân Thân Tiểu Vũ Trụ, chúng ta hiểu được sự hình thành nhân thân từ nhị khí Âm Dương và đi vào sự sống nơi cõi thể chịu sự vận hành của Hậu Thiên Khí, thuận theo sanh tử luân hồi.

Độc Nhân Thân Tiểu Vũ Trụ, chúng ta hiểu được tâm ý nhiễm trược hay tâm viên ý mã là do nhân thân được nuôi dưỡng bằng Hậu Thiên khí. Muốn trở về thanh tịnh, nhân thân phải được nuôi dưỡng bằng Tiên Thiên Khí. Song song, trong thời gian tại thế, Đức Ngài đã chỉ dẫn các pháp hữu trường chay - độ ngũ - rồi dần dần độ thanh điển. Từ đó, mới có thể thoát khỏi Phàm Thai trở về Chơn Nhơn rồi dần đến Chơn Thần là phần tinh anh tinh khiết nhất. Từ đây, giúp chúng ta hiểu được hướng đi ngược dòng sanh tử trở về Nguồn Cội!

Khi dạy các Pháp của Chư Đức Phật, Đức Ngài dạy ngày trước cõi người và cõi Thượng thông thương nhau lên xuống dễ dàng, về sau, Đức Vua Cha đóng lại và con người ở vào cõi thế luân hồi. Ngày nay, Đức Ngài dạy các pháp hữu:

- Khai mở Huyền Quan! Huyền Quan là Thiên Ấn - chỉ có Đỉnh Quang của Đức Vua Cha mới khai mở được! Sự đóng mở bí huyết sanh tử là do Đức Vua Cha!*
- Khai mở Đường Thông Thiên với các bí pháp vận chuyển đưa Tiên Thiên Khí vào châu thân khai mở nội thể, nuôi dưỡng thân tâm và đẩy lùi Hậu Thiên Khí.*

Chúng ta có thể áp dụng Nhân Thân Tiểu Vũ Trụ vào thực hành công phu trở lại Chơn Khí Nhất Nguyên:

- Đỉnh đầu tiên là nối lại 2 Mạch Nhâm Đốc lưu hành thông suốt - khai mở Tam Quan và các khiếu.*
- Mở đường vận hành của châu thiên trở lại với hướng đi của Tiên Thiên mà trong bước đầu là Thủ Khảm Điền Ly: Từ Vĩ Lự, thuộc Khảm, còn gọi là Mạng Cung. Bên trong là Chân Dương. Dương thì đi lên. Vận chuyển từ dưới đi lên là Lấy Khảm Điền Ly! Huyền Quan, thuộc Ly, còn gọi là Tánh cung. Bên trong là Chân Âm. Âm thì đi xuống. Vận chuyển từ*

trên đi xuống là từ Ly xuống Khâm, tức từ Chân Âm kết tụ với Chân Dương và chuyển hóa thành Chơn Khí . Kim Dịch từ trên rót xuống được chuyển hóa và lại được chuyển về Ly nên gọi là Điền Ly! Đây là bước đầu Tánh Mạng kết tụ!

Chúng ta biết rằng nơi con người thì nam nữ hay Âm Dương gặp nhau hình thành thai nhi. Thai nhi này là nhân thân đi vào sanh tử luân hồi. Cũng từ nơi nhân thân này, Chân Dương-Chân Âm kết tụ thành Chơn Khí và vòng vận chuyển châu thân “tích lũy tinh khí thần” này làm nên Đại Sự!

Thưa các vị! Được sự cho phép của Đức Thầy Từ minh Đạt, chúng tôi xin phép cùng các vị huynh trưởng - các vị pháp hữu trân trọng giới thiệu Nhân Thân Tiểu Vũ Trụ do Thầy Từ Thiện Tâm Trụ biên soạn, tập sách giúp chúng ta hiểu thêm nguyên nhân sanh tử của chúng sanh, mở ra hướng giải thoát đi ngược dòng sanh tử - giải thoát sự thâm nhập của ngũ hành hầu có thể trực nhận sự thật về con người và vũ trụ!

*Kính chào các vị!
Tạp Chí Quy Nguyên kính bút!*

Nam Mô A Di Đà Phật

Kính bạch Đức Minh Sư Tôn Kính.

Con xin kính đệ trình lên Đức Minh Sư Tôn Kính những ấn chứng và sự hiểu biết của con qua chặng đường tu học và được Đại Hồng Ân và sự dẫn độ của Đức Minh Sư tôn kính.

Vì chưa trọn căn duyên, những lời Thánh Giáo của Đức Minh Sư Tôn Kính con chưa có đầy đủ nên trí thức về lý đạo nhiệm mầu bị hạn chế khá nhiều.

Con cúi xin Đức Minh Sư Tôn Kính ân xá và ban cho con cũng như các pháp hữu khác những lời minh giải về lý đạo sâu mầu mà trí tuệ còn hạn hẹp của chúng con, chưa thấu suốt để đưa ra kiến giải đúng đắn, chính xác.

Cũng bởi lý do này sự tu học của chúng con bị trì trệ.

Chúng con tâm thành dâng lời tri ân lên Đức Minh Sư Tôn Kính.

*Nam Mô A Di Đà Phật!
Tỳ Thiện Tâm Trụ*

Kính bạch Đức Minh Sư Tôn Kính

Con người là một “nhân thân tiểu vũ trụ” tức “con người là Trời Đất nhỏ” hoặc “người và Trời Đất có quan hệ mật thiết”. Lý giải cho vấn đề này đều dựa vào hai quyển Hà Đồ và Lạc Thư.

Theo sử sách Hà Đồ do vua Phục Hy phát hiện nói về Tiên Thiên Bát Quái, còn Lạc Thư do vua Võ tìm ra đề cập đến Hậu Thiên Bát Quái.

Ý kiến của con thì nếu lý giải trên hoàn toàn chính xác, vua Phục Hy và vua Võ đều được Thượng Đế chuyển vận xuống giảng giải cho con người trần thế.

Tiên Thiên Bát Quái nói về Trời buổi ban sơ, biểu tượng bằng Lý Thái Cực hàm ẩn phần động là Dương, phần tĩnh là Âm. Ấy là Lưỡng Nghi. Nhưng Âm Dương vẫn chứa đựng trong nhau. “Trong Dương có Âm, trong Âm có Dương”. Thái Cực chia Âm Dương biến ra Tứ Tượng. Đó là Thái Âm, Thái Dương, Thiếu Âm, Thiếu Dương.

Một vòng xoay thành chuỗi nối liền nhau (liên quán) xoay về bên Hữu là Âm, xoay về bên Tả là Dương. Âm sanh từ phương Nam, Dương sanh từ phương Bắc. Phần Dương tính động ở trên, phần Âm tính tĩnh ở dưới. Phần Dương là Thái Dương sanh ra quẻ Càn và Đoài, phần Âm là Thái Âm sanh ra quẻ Khôn và Cấn. Thiếu Dương sanh ra Tốn và Khảm, Thiếu Âm sanh ra Ly và Chấn.

Đây là biến dịch của Âm Dương sanh ra ngũ hành: Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy theo Tiên Thiên.

Điều này phù hợp với câu một bài kệ của Đức Minh Sư tôn kính nói về vũ trụ, càn khôn thuộc lãnh vực cõi Thượng.

“Vận chuyển càn khôn tóm một râu”.



Đối chiếu với thân thể con người: Đầu, mình, tay chân nơi ngoài, tạng phủ, kinh mạch nơi trong đều thuộc hữu hình thực thể.

Xét quá trình hình thành một con người thì trước hết do lý khí Âm Dương kết hợp, chỉ có một khí Dương hoàn toàn thuộc về quẻ Càn.

Được hai tháng mới có chất nước hợp với quẻ Đoài thuộc Kim (Càn và Đoài).

Đến ba tháng có hơi nước, có hơi nước và khí nóng phụ hợp lại thành ra nhiệt khí tức là Hỏa, hợp với quẻ Ly.

Bốn tháng thai có Hỏa khí sanh cử động hợp với quẻ Chấn.

Năm tháng sự phát động sanh hô hấp, hợp với quẻ Tốn thì Chấn với Tốn thuộc Mộc.

Được sáu tháng có phong khí nước lưu chuyển và bao bọc quanh thai nhi rất nhiều, thủy mẫn hợp với quẻ Khảm.

Rồi bảy tháng nước lưu chuyển, mặt đất nổi lồi lõm tức bộ tiêu hóa thành hình, Thổ khí vượng hợp với quẻ Cấn.

Đến tám tháng da thịt đầy đủ tức là thổ khí hoàn toàn hợp với quẻ Khôn. Cấn và Khôn đều thuộc Thổ.

Ây là thuận hợp với khí hóa ngũ hành, thai bào tuần tự tương sanh và tương trưởng.

Âm Dương tương sanh có hai thể cách:

Dương vị đi từ Tả (trái) sang Hữu (phải). Âm vị từ Hữu (phải) sang Tả (trái).

Âm sanh từ Nam, Dương sang từ Bắc.

Như Càn (☰) hoàn toàn là Dương. Dương hấp dẫn Âm thay đổi lần thứ nhất thành Tốn (☴), thay đổi lần thứ hai thành Ly (☲), thay đổi lần thứ ba thành Đoài (☱).

Khôn (☷) hoàn toàn là Âm. Âm hấp dẫn Dương thay đổi lần thứ nhất thành Chấn (☳), thay đổi lần thứ hai thành Khảm (☵), thay đổi lần thứ ba thành Cấn (☶).

Càn thuộc Dương, biến thành Tốn, Ly, Đoài là Âm tức là Dương sang Âm.

Khôn thuộc Âm, biến thành Chấn, Khảm, Cấn tức Âm sang Dương.

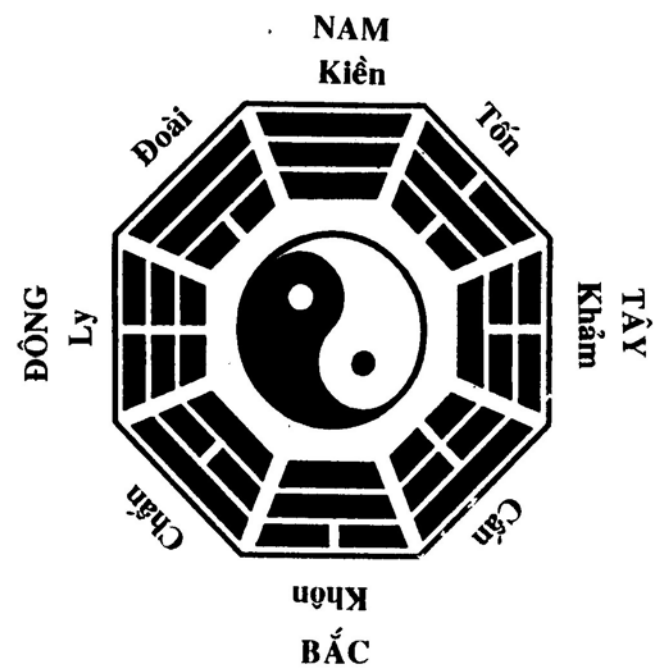
Quan sát hình thể trái đất (địa cầu), người xưa nhận thấy trong vũ trụ địa cầu nằm về phương Bắc, nên vị trí Khôn☷ ở về phương Bắc. Thiên khí về Nam, cho nên Càn (☰) ở phương Nam. Dòng

nước trong biển cả chảy về phương Đông, nên biết nguồn nước tại phương Tây.

Khảm ở Tây. Mặt trời mọc ở phương Đông, Ly ở phương Đông. rừng núi phần nhiều ở về phía Tây Bắc, Cấn ở Tây Bắc. Khe suối chảy sang Đông Nam, nên thành nhiều sông và hồ, Đoài ở Đông Nam.

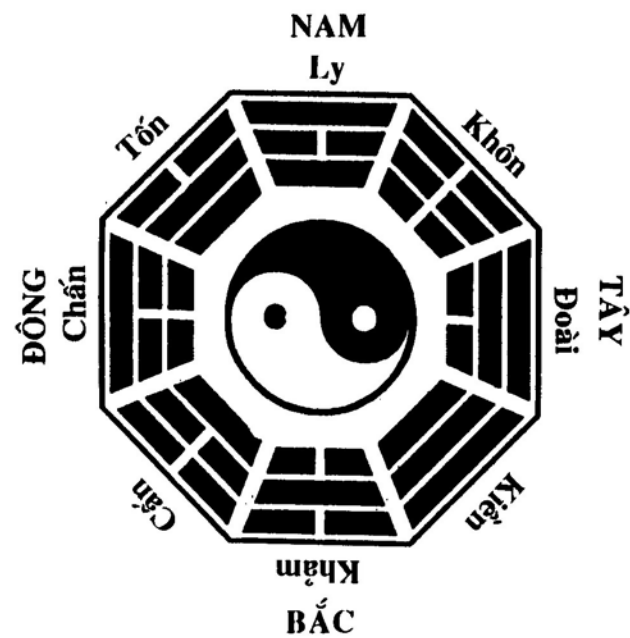
- Dương cực, Âm sanh; Âm Dương hấp dẫn thành phong khí. Gió từ Tây Nam thổi qua Đông Bắc, Tốn ở Tây Nam.
- Âm cực, Dương sanh; Dương khí phát động từ phương Bắc tung lên Tây Nam, sức chuyển động thành tiếng sấm; Chấn ở về Đông Bắc.

Đây là phương vị của Bát Quái vị trí ở trong vũ trụ:



Tiên Thiên Bát Quái

Lạc Thư nói về vận hành của ngũ hành thuộc Hậu Thiên:



Hậu Thiên Bát Quái

Theo Hà Đồ trong Trời Đất cũng chỉ có một khí chia làm hai tức Âm và Dương. Ngũ Hành tạo hóa ra vạn vật đều ở đó. Nên vị ở Hà Đồ thì 1 hoàn bị với 6 ở phương Bắc, 2 với 7 kết hợp ở phương Nam, 3 với 8 làm bạn ở phương Đông, 4 với 9 đồng đạo ở phương Tây, 5 với 10 cùng qui tụ, giữ nhau chặt chẽ ở giữa.

Thụ căn của chính ngũ hành, kể về số thì:

- Nhất (1), Tam (3), Ngũ (5), Thất (7), Cửu (9), số Cơ (lẻ) thuộc Dương gọi là Thiên Số.
- Nhị (2), Tứ (4), Lục (6), Bát (8), Thập (10), số Ngẫu (chẵn) thuộc Âm gọi là Địa Số.

Thiên Ngũ (Trời 5), Địa Thập (Đất 10) thành Thổ, vạn vật đều nhờ số sanh và số thành nên công năng (fonctionnement) sanh hóa.

Số Ngũ (5) là số Sanh-Thổ; số Thập (10) là số Thành-Thổ.

Muốn biết công năng Sanh và Thành của ngũ hành thì lấy:

- Số Ngũ (5) Thổ phối hiệp với số Nhứt (1) tức là Lục (6) số Thành Thủy.
- Số Nhị (2) sanh Hỏa phối hợp với số Ngũ (5) tức là Thành Thất, Thành Hỏa.
- Số Tam (3) sanh Mộc phối hợp với số Ngũ (5) tức là Bát (8) Thành Mộc.

- Số Tứ (4) sanh Kim phối hợp với số Ngũ (5) tức là Cửu (9) Thành Kim.

Đó chính là nguyên lý sanh hóa và thành tựu của vạn vật không ra ngoài lý Âm Dương.

Khí hóa Âm Dương vô hình do sự phối hợp mà sanh ra Mộc, Hỏa, Kim, Thủy, Thổ.

Cũng nguyên lý này, người xưa đã hình thành được Thập Thiên Can và Thập Nhị Địa Chi, một quy luật rất tài tình.

- Giáp - Ất thuộc Mộc
- Bính - Đinh thuộc Hỏa
- Mậu - Kỷ thuộc Thổ
- Canh - Tân thuộc Kim
- Nhâm - Quý thuộc Thủy

Bẩm thụ ở Trời (Thập Thiên Can) mà sanh ra Mạng con người, rồi con người chịu thêm sự phát sanh của cảnh lá (Chi) là vật biểu tượng bằng Thập Nhị Địa Chi: Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

- Dần - Mão thuộc Mộc.
- Tí - Hợi thuộc Thủy.
- Tỵ - Ngọ thuộc Hỏa.
- Thân - Dậu thuộc Kim.
- Thìn - Tuất - Sửu - Mùi thuộc Thổ.

Con người bẩm thụ tánh xấu tốt, quý tiện, phú bần, thọ yếu,... là do quy luật Địa Chi sở tàng Thiên Can sở thuộc, đã sanh hóa ra ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

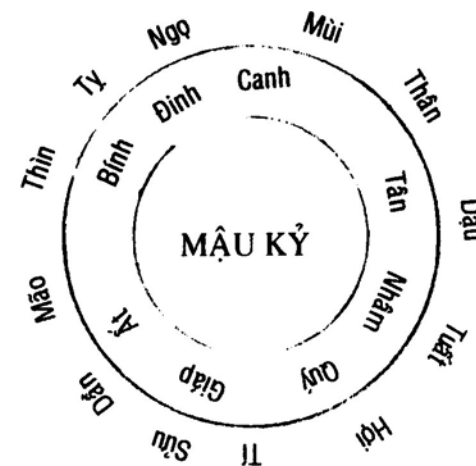
Thiên Can, Địa Chi cũng chia thành hai nhóm Âm Dương.

Thiên Can:

Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm thuộc Dương.
Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý thuộc Âm.

Địa Chi:

Tí, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất thuộc Dương.
Sửu, Mão, Tỵ, Mùi, Dậu, Hợi thuộc Âm.



Xét bốn hành tam hợp thì Thổ vẫn giữ vai trò rất quan trọng:

1. Thân - Tí - Thìn: Hành Thủy (nhờ Thìn Thổ để cho Thân Tràn Sinh của Thủy làm cho Thủy được đầy).
2. Dần - Ngọ - Tuất: Hành Hỏa (nhờ Tuất Thổ để cho Dần Tràn Sinh của Hỏa làm cho Hỏa được vượng).
3. Ty - Dậu - Sửu: Hành Kim (nhờ Sửu Thổ để cho Ty Tràn Sinh của Kim làm cho Kim được thịnh).
4. Hợi - Mão - Mùi: Hành Mộc (nhờ Mùi Thổ để cho Hợi Tràn Sinh của Mộc làm cho Mộc được tốt).

Trong bào thai trước tiên do sự cấu tạo giữa Âm Dương tương giao vô hình, sau khi ngưng kết thành thai thì chỉ có một khí Vi Dương, tức là Thủy Khí sanh ra trước hết từ phương Âm (trong thân thể con người) ứng về phương Bắc.

Âm khí bao bọc phần Dương, Dương khí lần lần phát dương thành hình giống như bào thai thuộc Âm, có nhút điểm tinh dương xuất hiện tượng hình cái đầu sanh ra ở dưới trước hết, hợp với phương vị phía Bắc thuộc Thái Dương. Thế là ngay từ lúc thai nhi bắt đầu hình thành thì nó đã đi vào vòng vận hành của Hậu Thiên “Âm thượng thăng”, “Dương hạ giáng” tức là đầu quay xuống dưới, hai chân chống lên trên.

Đối xứng ở trên là phương Nam với số 2 (Nhị), trong bào thai sanh ra hai cái tua chạy ngược lên trên, tượng hình hai cái chân, nếu số 2 là số Thiếu Âm ở trên phía Nam. Tiếp đến là số Tam (3) đi về bên Tả nằm phía lưng, trong bào thai có một đường thẳng tượn trung hình xương sống (tức mạch Đốc thuộc Dương) có ba lỗ rỗng thông với Dương Khí, là số Thiếu Dương. Đó chính là phần của đường Thông Thiên hay Luân Xa tiếp nhận dương khí.

Ba lỗ là ba cửa: Vĩ Lư, Huyền Quan Tổ Khiếu, Ngọc Châm

Đến số Tứ (4) trở sang phía bên Hữu (phải) trong bào thai thêm hai “chi” tức hai tay thành tứ chi thuộc số Thái Âm. Đây là Nhâm mạch.

Số Ngũ (5) là do số 2 Âm và số 3 Dương hợp lại thành trung ương gọi là số Thái Hòa, ngũ tạng: (Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận) đã thành hình. Thai đã hoàn toàn ra nhân thể (hình người).

Trên đường Nhâm mạch cũng có các khiếu:

Nê Hoàn, Huỳnh Đình, Thủy Phủ (chỗ chứa tinh nơi Hạ Đơn Điền).

Khi thai nhi chào đời thì hai mạch Nhâm và mạch Đốc (tức là Âm và Dương) bị ngăn cách bởi “Thiên Cốc” (Khẩu khiếu: Miệng) ở trên và “Địa Cốc” (hay Cốc Đạo: Hậu Môn) ở dưới.

Con người phải nhờ vào Khí Hậu Thiên mà tồn tại. Khí Hậu Thiên hình thành do mối tương quan sanh hóa giữa ngũ hành với ngũ tạng, giữa lục khí với lục kinh

Trời và người liên hệ trong vòng khí thể:

- **Trên Trời có ngũ Khí:** Phong, Nhiệt, Thấp, Táo và Hàn.
- **Dưới Đất có ngũ Hành:** Mộc, Hỏa, Thổ, Kim và Thủy.

Người sanh nơi khí giao của Trời Đất, bẩm thụ khí vận mà có ngũ tạng (tạng là nơi chứa cái tinh khí của Trời Đất để thành ra hình người).

- Đông phương sanh Phong, Phong sanh Mộc, Mộc sanh Toan, Toan sanh Can. Vị Chua sanh tạng Can. Mộc là chủ của Can (Can Mộc).
- Nam phương sanh Nhiệt, Nhiệt sanh Hỏa, Hỏa sanh Khổ, Khổ sanh Tâm. Vị đắng đi vào Tâm. Hỏa là chủ của Tâm (Tâm Hỏa).
- Trung ương sanh Thấp, Thấp sanh Thổ, Thổ sanh Cam, Cam sanh Tỳ. Vị ngọt sanh tạng Tỳ. Thổ là chủ của Tỳ (Tỳ Thổ).
- Tây phương sanh Táo, Táo sanh Kim, Kim sanh Tân, Tân sanh Phế. Vị cay sanh tạng Phế. Kim là chủ của Phế (Phế Kim).
- Bắc phương sanh Hàn, Hàn sanh Thủy, Thủy sanh Hàm, Hàm sanh Thận. Vị mặn

sanh tạng Thận. Thủy là chủ của Thận (Thận Thủy).

Về Lục Kinh, Lục Khí thì:

- Khí hóa của Kinh Quyết Âm lấy Phong Khí là Chủ.
- Khí hóa của Kinh Thiếu Âm lấy Nhiệt Khí làm Chủ.
- Khí hóa của Kinh Thái Âm lấy Thấp Khí làm chủ.
- Khí hóa của Kinh Thiếu Dương lấy Hỏa Khí làm Chủ.
- Khí hóa của Kinh Dương Minh lấy Táo Khí làm Chủ.
- Khí hóa của Kinh Thái Dương lấy Hàn Khí làm Chủ.

Ngũ Khí và Ngũ Vị:

Trời nuôi người bằng Ngũ Khí:

1. Tháo Khí là mùi Khét thuộc Mộc.
2. Tiều Khí là mùi Khê thuộc Hỏa.
3. Hương Khí là mùi Thơm thuộc Thổ.
4. Tinh Khí là mùi Tanh thuộc Kim.
5. Hủ Khí là mùi Ung thuộc Thủy.

Đất nuôi người bằng ngũ vị:

1. Tâm Vị là vị Cay thuộc Kim.
2. Toan Vị là vị Chua thuộc Mộc.
3. Cam Vị là vị Ngọt thuộc Thổ.
4. Khổ Vị là vị Đắng thuộc Hỏa.

5. Hàm Vị là vị Mặn thuộc Thủy.

Còn Tây Y nói trong Không Khí có Dưỡng Khí, Thán Khí, Thủy Khí, Đạm Khí, Kinh Khí, Hỏa Khí. Con người hô hấp Khí ấy vào Phế qua Tim để chuyển đổi máu đen thành máu đỏ.

Ngũ vị thì Tây Y phân chất trong các thực phẩm có chất Đạm, Kinh dương thán, Lưu, Lân, Cốt, Sắt.

- Kinh với Dưỡng hợp thành chất Nước.
- Sắt với Dưỡng hợp thành Thiết dưỡng bổ vào Huyết.
- Cốt với Thán hợp với Lân thành chất Cốt thán dưỡng hay Cốt lân dưỡng thành Xương.
- Thán với Đạm và Kinh thêm một ít Lưu thành chất thịt.
- Thán, Dưỡng, Kinh và Đạm hợp lại thành chất sống động. Chất này rất linh động ở vào thần kinh làm sanh lực cho nhân thân.

Đông Y nhận thức đơn giản hơn:

- Ăn vị Chua thì bổ vào Can - Can sanh Gân.
- Ăn vị Ngọt thì bổ vào Tỳ - Tỳ sanh Nhục.
- Ăn vị Cay thì bổ vào Tâm. Tâm sanh Huyết Mạch.
- Ăn vị Mặn thì bổ vào Thận. Thận sanh Cốt Tủy.
- Ngũ vị nạp vào vị Phủ chịu sự tiêu hóa rồi phân phối ra các Tạng.

Về ngũ khí do sự đồng khí cảm thông của ngũ tạng...:

- Phế tạng thuộc Càn Kim, bộ vị ở trên hết các tạng, công năng hộ vệ bì mao làm chủ vệ khí cùng với Thiên Khí cảm thông và xuất nhập nơi bộ máy hô hấp.
- Vị thuộc Thổ, thu nạp Cốc Khí thuộc về Địa Khí thông vào Yết Hâu.
- Can tạng thuộc Mộc, phong khí nơi ngoài cảm thông vào Can.
- Tâm tạng thuộc Hỏa, hỏa khí hay phát thanh, thành tiếng sấm, cho nên Lôi Khí thông vào Tâm.
- Tỳ tạng thuộc Thổ công năng trợ vị tiêu hóa và chuyển vận cốc thực vào Trường vị như thu rút vào chốn thâm u giống hang hốc, phong khí thấy vào nơi ấy, gốc là Cốc Khí thông vào Tỳ.
- Thận tạng thuộc Hàn Thủy, đồng khí với mây mưa cho nên Vũ Khí và hơi lạnh thông vào Thận.

Như vậy, Vị và Tỳ trong con người là cơ quan tiếp nhận Địa khí hay Khí Hậu Thiên.

Hiểu được Âm Dương trong nội thể bất tương giao, xa lìa cái nhất nguyên “Thái Cực”. Đức Minh Sư Tôn Kính gọi là “Nhất Nguyên Tiên Thiên Khí”, chúng con mới thấy được cái linh diệu của Pháp Tội Thắng.

Kính bạch Đức Minh Sư Tôn Kính,

Trên đây con đã cố gắng lý giải mối quan hệ giữa con người và Trời Đất và Khí Âm Dương Ngũ Hành nơi con người vận chuyển, sanh hóa theo Hậu Thiên. “Âm thì thượng thăng, Dương thì hạ giáng”. Đạo Dịch gọi là “Địa Thiên Thái”. Lời của Văn Vương nói: “Tiểu vãng đại lai cát hanh đắc thị thiên địa giao, nhi vạn vật thông dã”. Nghĩa là “Trời hạ giáng giao với Đất, Đất thượng thăng giao với Trời. Trời đất giao nhau khi Âm Dương hòa, vạn vật sanh thành, gọi là Khí vận hanh thông”.

Chính vì vậy vạn vật trong đó có con người cứ luân chuyển trong vòng sanh hóa (sanh diệt). Để thoát khỏi luân hồi, sanh tử, Đức Minh Sư Tôn Kính trong lời pháp dụ ngày Khánh Đản mùng 5 tháng 3 năm Kỷ Ty có dạy: “Người tu hành phải biết Âm Dương hòa hợp, phải thông ngũ hành là chỗ trở về Chơn Như”. Tức là phải nối được hai mạch Nhâm, mạch Đốc (Âm Dương), nắm được khí hóa của Âm Dương vô hình cũng như sự phối hợp Âm Dương mới thông được ngũ hành. (Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy).

Các bí pháp “Vận chuyển thông quan”, đem Linh Quang soi Đơn Điền, Thông Lục Hạp, Bế Nhĩ Căn, Chơn Tánh Xuất. Thời điểm này Đức Ân Sư lần lần ứng dụng.

Đức Ân Sư ban pháp “Luyện Ngươn Thần” để dẫn thông được Âm Dương trở về “Nhất Nguyên Tiên Thiên Khí”. Đạt được điều này, chúng con phải luyện Tâm cùng luyện Tánh.

Chúng đệ tử Từ Tôn tâm thì chưa định. Thân - Tâm - Ý chưa hợp nên chưa trị được Tánh. Do đó, từ giờ Ngọ, ngày 18 tháng Chạp năm Kỷ Ty (nhằm ngày 14 tháng Giêng năm 1990), mãi đến ngày Chủ Nhật mừng Sáu tháng 9 năm Tân Mùi, cộng hơn 20 tháng, chưa một pháp hữu nào tự khai mở Huyền Quan, hai đường Âm (mạch Nhâm) và đường Dương (mạch Đốc) vẫn chưa chuyển vận thông nhau. Đức Minh Sư Tôn Kính lại ban một Đại Hồng Ân cho chúng đệ tử Từ Tôn là khai thông đường Thông Thiên.

Điều quan trọng việc luyện Ngươn Thần - Ngươn Tinh là mỗi chúng con nhận thức sâu xa lời thánh giáo “đi từ Động ra Tĩnh”, từ “Tĩnh vào Tĩnh” để dần dần luyện cho tâm thanh tịnh thì “Tánh tự nhiên trầm tĩnh, ôn hòa, nhẹ nhàng, không người, không ta, dứt các ưu phiền” mới lìa được “Tâm - Ý - Ý Thức”.

Dứt lẩn Khí Hậu Thiên, chúng con phải lìa bỏ lẩn ngũ vị là chất địa âm. Ăn chay trường đến Độ Ngọ là bước đầu loại bỏ chất địa âm vì các thực phẩm “chay” mang chất dương.

Độ thanh điển là giai đoạn chót dứt chất “địa âm”. Đồng thời chúng con cũng phải diệt ái dục. Không diệt ái dục thì tinh kiệt, lấy đâu để nấu, không thuốc làm sao nuôi thần. Việc tu luyện không thành. Cửa luân hồi mở ra tiếp nhận người thoái chuyển.

Việc ẩm thực phải kết hợp song hành với tu tâm và luyện ngươn thần. Đòi đạo song tu!

Thời Hạ Ngươn rất khác với thế kỷ thứ V, VI trước Thiên Chúa kỷ nguyên từ dân số, hoàn cảnh đến dân trí,...

Tu thời Hạ Ngươn không tìm nơi thâm sơn, cùng cốc hay giam mình trong tịnh thất kín đáo mà “tu tại gia”, tu ngay ở cuộc sống đầy ô trược, nhiều phức tạp, khó khăn bởi ngoại căn: Tữu, Sắc, Tài, Phiến có hấp lực cực mạnh thu hút Nhơn sanh vào vòng “mê cung vô minh”.

Việc lập hạnh là điều chí cốt, căn cơ theo con đường Bát Chánh mà Đức Mẫu Mẹ Sáng Tạo chuyển vận để Đức Ân Sư giảng dạy cho chúng sanh: Hiếu, Đễ, Trung, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín, Liêm và Sĩ....

Hiếu là đầu mối đạo làm người, là mẹ của trăm nét, là mẹ của việc làm đạo Nhơn. Tín là gốc cho Lý Đạo.

Chỉ khi nào chúng con sống trọn vẹn với Bát Chánh, tức là Bát Chánh trở thành bản chất nơi chúng con thì nội căn “Tham, Sân, Si, Ái” chấm dứt. Đây là đời tròn!

Chúng con được Đại Hồng Ân, Đức Ân Sư khai mở đường Thông Thiên, chỉ dạy chúng con luyện các “động tác” Long Chuyển, Long Giáng, Long Ngọa, Hổ Vờn, Hổ Phục, rồi định theo Huyền Quan, luyện Ngươn Tinh rồi đến giai đoạn dùng bí pháp vận chuyển đưa Tiên Thiên Khí vào châu thân chúng con để tổng thải Khí Hậu Thiên, tiếp đó gom Tam Muội Chơn Hỏa nấu Kim Đơn để nuôi Thần.

Chúng con phải trì chí kiên nhẫn luyện Tới Thắng Pháp trở về Lý Thái Cực (Nhị nguyên trở về Nhất nguyên) cũng trở lại Chơn Khí Nhất Nguyên. Đây là thời điểm cực kỳ quan trọng vì đi người lại vòng sanh hóa của Hậu Thiên, xoay theo chiều Tiên Thiên. “Càn” trên “Khôn” dưới hợp với Càn (Trời) ở phương Nam, Khôn (Đất) ở phương Bắc để Dương đi lên, Âm đi xuống. Đạo Dịch gọi là “Thiên Địa Bĩ”. Toán Tử nói: “Bĩ chi phỉ nhân bất lợi quân tử trinh, đại vãng, tiểu lai tắc thị thiên địa bất giao nhi vạn vật thông dã”.

Nghĩa là Quẻ Bĩ là bất thông, Âm Khí nơi dưới không thượng giao với Dương Khí ở trên, Dương Khí cũng không hạ tiếp với Âm Khí thì

Âm Dương cách tuyệt, vạn vật chẳng sanh thành hay hủy diệt.

Vạn vật trong đó có con người không sanh thành tức là không còn luân hồi sanh tử. Nhưng đạt Đạo, giải thoát, đắc quả không dễ dàng. Phải có Chân Sư hay Minh Sư là thế. Người luyện tập không có “bí pháp” bị “tẩu hỏa nhập ma”, thành phé nhân, khùng điên. Đây là sự thật.

Dù đã nắm trong tay “Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới” (Ba ngàn thế giới một tay thâu), Đức Ân Sư thận trọng từng bước chỉ dạy, buộc chúng con tuyệt đối tuân hành từng động tác. Cụ thể, trong thân thể, chúng con phải gom lại khí ngũ hành đầy đủ, dùng Pháp vận chuyển thông quan mở lại đường Tam Xa, kết nối hai mạch Nhâm (Âm) mạch Đốc (Dương) để hai đường lưu hành thông suốt tức Âm Dương hòa hợp cùng 3 cửa ở Mạch Đốc, 3 cửa ở Mạch Nhâm thông suốt tạo thành một vòng liên quán cũng như Càn (Trời), Khôn (Đất) vận xoay thành vòng khép kín: “Vận chuyển Càn Khôn tóm một xâu”.

Khi Âm (Khôn), Dương (Càn) đã thống nhất (hòa hợp) xoay theo chiều Tiên Thiên (Dương tính Động ở trên, Âm tính Tĩnh ở dưới) hợp với Càn (Trời) ở phương Nam, Khôn (Đất) ở phương Bắc. Dương đi lên, Âm đi xuống. Sự

vận hành của châu thân trở lại với đường đi của Tiên Thiên..

Đến đây, nơi nội thể mỗi chúng con đã được chuẩn bị đầy đủ, kíp khi Đức Minh Sư Tôn Kính ban bí pháp đưa Tiên Thiên Khí (cũng là Diễm Linh Quang) vào nuôi châu thân, cũng là lúc Lục Hạp được khai thông, Tam Quan, Cửu Khiếu khai mở, Tai không còn nghe bên ngoài, Tâm chúng con đi vào trong, phép bế Nhĩ Căn hoàn thành.

Tâm Chơn Như hiển lộ và “Ba ngàn thế giới một tay thu”.

Quả Bỏ Đề đã đạt, Đức A Di Đà đi vào người của ta. Tinh - Khí - Thần trong ta cũng hoàn toàn tròn đầy.

Đó là giai đoạn Đạo Hiện và Pháp Ứng! Con người có thể cùng Trời Đất đồng hành. Đức Di Lặc thị hiện sẽ dẫn độ chúng con lên Tòa Sen đặc quả.

Chúng đệ tử Từ Tôn có thể theo chân Đức Minh Sư Tôn Kính trong việc hoằng khai Pháp Đạo, có khả năng biến hiện tùy theo lệnh truyền của Đức Ngài để cứu độ, dẫn độ chúng sanh.

Con xác tín rằng trước ngày Hội Long Hoa khai mở, một số Huynh, Đệ, Tử, Muội được Đức Minh Sư Tôn Kính ban Ấn Pháp, Lệnh Pháp cùng các “Pháp Bảo” cao quý khác sẽ đặc quở tại thế để xứng đáng là các vị Thừa Sai Chân Truyền của Đức Ngài.

Nam Mô A Di Đà Phật!
Đệ Tử
Từ Thiện Tâm Trụ
Bái Tiến!

GHI CHÚ:

1. **Càn:** Tây Bắc - Về lão phụ là chân khí Tam Dương (Rất lạnh).
2. **Khôn:** Tây Nam (Sát cơ) Thuộc lão mẫu, chơn khí Tam Âm (Tính thất thường).
3. **Ly:** Nam - Hỏa Vượng - Âm trong Dương - Âm nhờ Dương mà sáng.
4. **Khảm:** Chính Bắc - Thủy vượng - Dương bị khảm vào trong Âm (Ở giữa quẻ Càn).
5. **Chấn:** Chính Đông - Mộc Vượng - Chư sinh trưởng hào dương thứ I của quẻ càn.
6. **Đoài:** Chính Tây - Kim Vượng - Hào âm thứ III của quẻ Khôn - Chủ tiêu hóa.
7. **Cấn:** Đông Bắc - Khí Dương Suy - Hào dương III của quẻ Càn - Thuộc tịnh dưỡng.
8. **Tốn:** Đông Nam - Dương Thịnh - Hào âm I của quẻ Khôn - Chủ tiệt tiến.
9. **Càn + Khảm + Cấn + Chấn:** Thuộc dương, chủ tạo sinh vạn vật.
10. **Tốn + Ly + Khôn + Đoài:** Thuộc âm, chủ hóa thành vạn vật.